

Số: 831/QĐ-CDYTHN

Hà Nội, ngày 01 tháng 09 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành chương trình đào tạo chính quy ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 6595/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Y tế Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Y tế Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-CDYHN ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội về việc thành lập Hội đồng thẩm định 09 chương trình đào tạo;

Căn cứ Biên bản Thẩm định CTĐT bổ sung, chỉnh sửa ngày 27 tháng 8 năm 2020,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Nay ban hành quyết định chương trình đào tạo chính quy trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng (có chương trình kèm theo):

**Điều 2.** Quyết định được áp dụng bắt đầu từ Điều dưỡng khóa 15.

**Điều 3.** Phòng Đào tạo, các Khoa/bộ môn và các phòng chức năng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (Để báo cáo);
- Như Điều 3 (Để thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Tân

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 831/QĐ-CDYTHN ngày 01 tháng 09 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng y tế Hà Nội)*

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng  
**Ngành đào tạo** : Điều dưỡng  
**Mã Ngành** : 6720301  
**Hình thức đào tạo** : Chính quy

*Hà Nội, năm 2020*

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề	: Điều dưỡng
Mã ngành, nghề	: 6720301
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp Trung học phổ thông
Thời gian đào tạo	: 3 năm.

### 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÀNH, NGHỀ:

Điều dưỡng trình độ cao đẳng là ngành nghề về chăm sóc sức khỏe người bệnh, có nhiệm vụ chăm sóc và đáp ứng những nhu cầu cơ bản của người bệnh cả về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Điều dưỡng là người đảm nhận việc chăm sóc, kiểm tra tình trạng sức khỏe của người bệnh; trực tiếp theo dõi và hỗ trợ cho bệnh nhân trong suốt quá trình trị liệu. Phạm vi công việc của điều dưỡng khác nhau tùy theo các cơ sở y tế, vị trí việc làm. Tuy nhiên, công việc chủ yếu chung nhất của nghề điều dưỡng là: điều dưỡng tiếp đón, điều dưỡng hành chính, điều dưỡng chăm sóc, điều dưỡng phục hồi chức năng, điều dưỡng dinh dưỡng, điều dưỡng cộng đồng.

Để hành nghề, người điều dưỡng phải có sức khỏe tốt, có ý đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

### 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, đáp ứng được chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, có khả năng hội nhập quốc tế, có ý thức tôn vinh nghề nghiệp, không ngừng học tập, phát triển nghề nghiệp, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **2.2.2. Kỹ năng**

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **2.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

### 3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi học xong chương trình cao đẳng ngành Điều dưỡng, người học có thể làm tại các cơ sở cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập, các cơ sở khám bệnh tư nhân, các trung tâm cấp cứu cộng đồng, trung tâm y tế dự phòng, các viện dưỡng lão, trạm y tế, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Các vị trí làm việc:

STT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	BẬC (theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia)				
		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
1	Điều dưỡng phòng khám		x			
2	Điều dưỡng chăm sóc			x		
3	Điều dưỡng cộng đồng			x		

### 4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHOÁ HỌC:

- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 99 tín chỉ (2610 giờ).
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 78 tín chỉ (2175 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 784 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1826 giờ..

## 5. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã MH/ MD	Tên môn học / mô đun	Thời gian học tập (tín chỉ)				Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận/ tích hợp	Thực tập lâm sàng		Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận/ tích hợp	Thực tập lâm sàng	Thi/kiểm tra LT	Thi/kiểm tra TH
1.	I	Các môn học chung	21	13	8	0	435	157	255	0	19	4
2.	MH CH01	Giáo dục chính trị	4	3	1	0	75	41	29	0	5	0
3.	MH CH02	Tin học	3	1	2	0	75	15	58	0	1	1
4.	MH CH03A	Ngoại ngữ 1	3	2	1	0	60	21	36	0	3	0
5.	MH CH03B	Ngoại ngữ 2	3	2	1	0	60	21	36	0	3	0
6.	MH CH04	Pháp luật	2	2	0	0	30	18	10	0	2	0

7.	MH CH05	Giáo dục thể chất	2	0	2	0	0	60	5	51	0	1	3
8.	MH CH06	Giáo dục quốc phòng và An ninh	4	3	1	0	75	36	35	0	4	0	0
	<b>II.</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>78</b>	<b>40</b>	<b>9</b>	<b>29</b>	<b>2175</b>	<b>572</b>	<b>258</b>	<b>1271</b>	<b>36</b>	<b>38</b>	
	<b>II.1</b>	<b>Các môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>15</b>	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>240</b>	<b>199</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	
9.	MH CS01	Cấu tạo và chức năng của cơ thể	4	3	1	0	75	44	28	0	3	0	
10.	MH CS02	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	3	3	0	0	45	43	0	0	2	0	
11.	MH CS03	Pháp luật y tế và đạo đức nghề nghiệp	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0	
12.	MH CS04	Sức khỏe môi trường và dịch tễ học	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0	
13.	MH CS05	Tâm lý - Giao tiếp – GDSK trong thực hành điều dưỡng	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0	
14.	MH CS06	Nghiên cứu khoa học	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0	
	<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên ngành</b>	<b>57</b>	<b>22</b>	<b>8</b>	<b>27</b>	<b>1785</b>	<b>315</b>	<b>230</b>	<b>1182</b>	<b>21</b>	<b>37</b>	
15.	MH DIEU 01	Điều dưỡng cơ sở	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0	

16.	MĐ DIEU 02	Thực hành Điều dưỡng cơ sở 1	5	0	5	0	0	150	0	145	0	3	2
17.	MĐ DIEU 03	Thực hành Điều dưỡng cơ sở 2	3	0	0	3	135	0	130	0	0	0	5
18.	DIEU0 4	Chăm sóc sức khỏe người lớn 1	5	5	0	0	75	72	0	0	0	3	0
19.	DIEU 05	Chăm sóc sức khỏe người lớn 2	4	4	0	0	60	57	0	0	0	3	0
20.	MĐ DIEU 06	Thực hành chăm sóc người lớn 1	2	0	2	0	60	0	57	0	0	0	3
21.	MĐ DIEU 07	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn 2	5	0	0	5	225	0	220	0	0	0	5
22.	MĐ DIEU 08	Thực hành chăm sóc người lớn 3	5	0	0	5	225	0	220	0	0	0	5
23.	MĐ DIEU 09	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	1	1	0	45	14	0	28	0	3	0
24.	MĐ DIEU 10	Thực hành lâm sàng Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	0	0	3	135	0	130	0	0	0	5

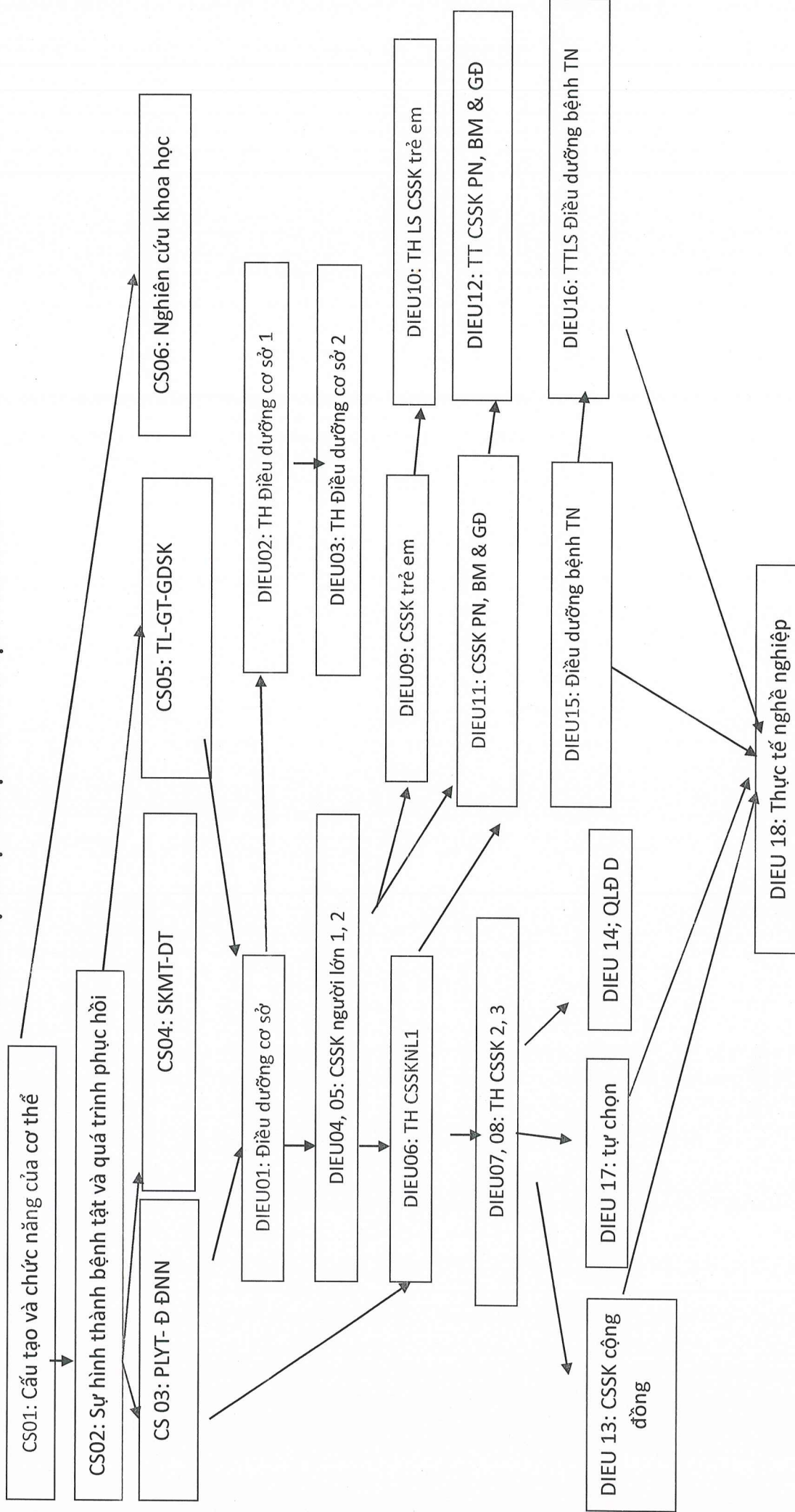


25.	DIEU 11	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26.	MĐ DIEU 12	Thực hành lâm sàng Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	0	0	3	135	0	0	0	130	0	0	0	0	0	0	0	5
27.	MĐ DIEU 13	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	5	4	0	1	105	59	0	0	44	0	0	0	0	0	0	0	0
28.	DIEU 14	Quản lý điều dưỡng	2	2	0	0	30	28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29.	DIEU 15	Điều dưỡng bệnh truyền nhiễm	2	2	0	0	30	29	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
30.	MĐ DIEU 16	Thực hành lâm sàng Điều dưỡng bệnh truyền nhiễm	2	0	0	2	90	0	0	0	88	0	0	0	0	0	0	0	2
31.	MĐ DIEU 18	Thực tế nghề nghiệp	5	0	0	5	225	0	0	0	220	0	0	0	0	0	0	0	5
	<b>II. 3</b>	<b>Môn học, mô đun tự chọn (chọn 2 trong 12 môn)</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>150</b>	<b>58</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>89</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
32.	MĐ DIEU 17A	Phục hồi chức năng	3	2	0	1	75	29	0	0	44.5	1	0	0	0	0	0	0	0.5

33.	MĐ DIEU 17B	Y học cổ truyền	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
34.	MĐ DIEU 17C	Điều dưỡng chuyên khoa RHM	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
35.	MĐ DIEU 17D	Điều dưỡng chuyên khoa TMH	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
36.	MĐ DIEU 17E	Điều dưỡng chuyên khoa mắt	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
37.	MĐ DIEU 17F	Điều dưỡng chuyên khoa da liễu	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
38.	MĐ DIEU 17G	Điều dưỡng chuyên khoa thần kinh	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
39.	MĐ DIEU 17H	Điều dưỡng chuyên khoa lão khoa	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
40.	MĐ DIEU 17I	Chăm sóc giảm nhẹ	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5

41.	MĐ DIEU 17K	Chăm sóc sức khoẻ gia đình	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
42.	MĐ DIEU 17L	Chăm sóc dinh dưỡng	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
43.	MĐ DIEU 17M	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần	3	2	0	1	75	29	0	44.5	1	0.5
		<b>Tổng</b>	<b>99</b>	<b>53</b>	<b>17</b>	<b>29</b>	<b>2610</b>	<b>729</b>	<b>513</b>	<b>1271</b>	<b>55</b>	<b>42</b>

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN



## **6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

6.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội:

6.1.1. Môn Anh văn thực hiện theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

6.1.2. Môn Tin học thực hiện theo thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

6.1.3. Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo thông tư số 12/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

6.1.4. Môn học Pháp luật thực hiện theo thông tư số 13/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

6.1.5. Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo thông tư số 24/2018/TT- BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

6.1.6. Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

6.2. Tổ chức đào tạo: áp dụng Hướng dẫn đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 13/3/2017.

6.3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung hoạt động ngoại khoá: căn cứ điều kiện cụ thể, khả năng của trường, kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khoá học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng sẽ có quyết định ban hành vào đầu mỗi khoá học.

6.4. Tổ chức thi/ kiểm tra hết môn học/ mô đun: Áp dụng Quy định về thực hiện chương trình đào tạo theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 13/3/2017 và được cụ thể hoá trong nội dung chi tiết từng môn học và quy chế

đào tạo.

6.5. Tổ chức thi/ kiểm tra/ xét công nhận tốt nghiệp: Áp dụng Quy định thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 13/3/2017, cụ thể:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun/ tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.
- Hiệu trưởng sẽ căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.
- Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng danh hiệu cử nhân thực hành ngành Điều dưỡng (bằng bậc 5 trong khung trình độ quốc gia).

6.6. Các phương pháp dạy – học chính: tất cả các môn học cần được giảng dạy bằng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thảo luận ca lâm sàng, giải quyết vấn đề, bài tập nhóm, bài tập lớn, thực hành dựa vào bằng chứng

6.7. Điều kiện thực hiện chương trình:

- Tổ chức học lý thuyết tại giảng đường có đủ thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy chiếu.
- Tổ chức học thực hành tại phòng thực hành có đủ trang thiết bị, mô hình thực hành theo yêu cầu của từng môn học.
- Tổ chức thực địa tại các cơ sở y tế đã công bố đủ điều kiện là cơ sở đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe, có ký hợp đồng nguyên tắc theo nghị định 111/2017/NĐ-CP về việc phối hợp đào tạo thực hành giữa cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.
- Giảng viên đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và có đủ kinh nghiệm giảng dạy.

